

Năm 2017:
Ổn định kinh tế vĩ mô
phụ thuộc vào khả năng
ứng phó của Việt Nam

NGUYỄN ĐÌNH CUNG*

Kinh tế Việt Nam đã trải qua một năm đầy biến động. Khởi đầu với nhiều kỳ vọng về sự phục hồi và tín hiệu cải cách, song nền kinh tế đã phải đương đầu với không ít bất lợi. Bất định gia tăng trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực được kỳ vọng sẽ là lực kéo quan trọng, song lại không có nhiều tiến triển trong các tháng cuối năm 2016. Một số ngành kinh tế và doanh nghiệp trong nước sụt giảm mạnh vào các tháng đầu năm. Nguồn lực trong dân cư chậm được khơi thông. Kinh tế năm 2017 dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, phụ thuộc nhiều vào khả năng ứng phó của Việt Nam.

BỐI CẢNH KINH TẾ KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI

Tăng trưởng kinh tế thế giới phục hồi chậm và không đều. Bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực châu Á - Thái

BẢNG 1: TÌNH HÌNH VÀ TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Đơn vị: %

	2016	2017	Chênh lệch*	
			2016	2017
GDP thế giới (tốc độ tăng trưởng: %)	3,1	3,4	0,0	0,0
Các nước phát triển	1,6	1,9	0,0	0,1
Hoa Kỳ	1,6	2,3	0,0	0,1
Nhật Bản	0,9	0,8	0,4	0,2
Khu vực đồng Euro	1,7	1,6	0,0	0,1
Các nước đang phát triển và mới nổi	4,1	4,5	-0,1	-0,1
Các nước đang phát triển và mới nổi ở châu Á	6,3	6,4	-0,2	0,1
Trung Quốc	6,7	6,5	0,1	0,3
ASEAN-5	4,8	4,9	0,0	-0,2
Thương mại thế giới (tốc độ tăng, %)	1,9	3,8	-0,4	0,0
Giá hàng phi nhiên liệu (% tăng theo USD)	-2,7	2,1	0,0	1,2

Lưu ý: *Chênh lệch dự báo cho 2016 và 2017 so với dự báo công bố tháng 10/2016

Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (Tháng 01/2017)

Bình Dương có phần bất định hơn, do tương tác giữa Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nga. Chính sách kinh tế có sự phân hóa: nới lỏng tiền tệ tiếp tục được áp dụng tại EU, Nhật Bản, Trung Quốc nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, trong khi Hoa Kỳ từng bước thắt chặt chính sách tiền tệ. Theo dự báo mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), kinh tế thế giới ước tăng trưởng 3,1% năm 2016 và dự báo tăng trưởng 3,4% năm 2017 (Bảng 1).

Tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ đạt 3,5% trong quý III/2016 sau hiệu chỉnh lần 3, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước, cũng như những công bố trước đó. Nguyên nhân là nhờ đóng góp tích cực của tiêu dùng tư nhân, xuất khẩu và tiêu dùng chính phủ. Tỷ lệ thất nghiệp giảm mạnh từ 5% trong tháng 09 xuống 4,6% vào tháng 11, mức thấp nhất kể từ tháng 08/2007. Chỉ số PMI sản xuất và chỉ số niềm tin của người tiêu dùng đều ở mức cao trong quý IV/2016¹. Theo đó, chính

* TS., Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương | Email: nguyendinhcung@mpi.gov.vn

¹ Chỉ số PMI sản xuất của Hoa Kỳ liên tục dao động quanh mức 53-54 trong quý IV/2016, cao hơn nhiều so với các quý trước. Chỉ số niềm tin của người tiêu dùng tháng 12 đạt 113,7 so với ước tính chỉ là 109. Nguồn: <http://www.tradingeconomics.com/united-states/indicators>

sách tiền tệ bước đầu “bình thường hóa” với quyết định nâng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang (FED) vào tháng 12/2016 từ 0,5% lên 0,75%.

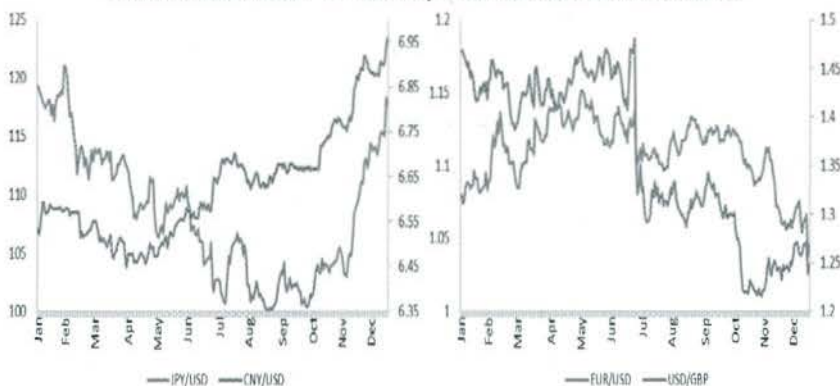
Kinh tế Trung Quốc chưa có tín hiệu phục hồi. Tốc độ tăng GDP cả năm ở mức 6,7%. Chỉ số PMI sản xuất giảm trong quý IV/2016. Trung Quốc cũng cân nhắc một số biện pháp nhằm kiểm soát dòng vốn đầu tư ra nước ngoài do kỳ vọng về sự mất giá của đồng NDT², thiếu cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận cao trong nước, chi phí gia tăng... Trung Quốc cũng đang phải đối mặt với khủng hoảng thừa, rủi ro khu vực ngân hàng...

Kinh tế Nhật Bản chuyển biến chậm. Tăng trưởng GDP có xu hướng suy giảm, đạt 0,3% trong quý III/2016. Tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 3,1% trong tháng 11/2016, sau khi duy trì ở mức 3% trong tháng 09-10/2016. Gia tăng xuất khẩu ít nhiều đã bù đắp cho chi tiêu dùng suy giảm trong quý III và IV/2016. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng trong 2 tháng liên tiếp trong quý IV/2016 (0,1% trong tháng 10 và 0,5% trong tháng 11 - mức cao nhất kể từ tháng 05/2015). Tuy nhiên, lạm phát cơ bản³ giảm 0,4% trong tháng 11 - đánh dấu 9 tháng liên tiếp lạm phát cơ bản không tăng. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) dự kiến, vẫn sẽ tiếp tục áp dụng chính sách lãi suất âm trong dài hạn.

Khó khăn kinh tế vẫn hiện hữu ở EU. Tăng trưởng kinh tế đạt 0,3% trong quý III/2016. Tỷ lệ lạm phát của khu vực liên tục tăng kể từ tháng 06/2016, đạt 0,6% trong tháng 11/2016, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu đề ra là 2%. Tại nhiều nước, nợ xấu ngân hàng, rủi ro chính trị, rủi ro khủng bố... được nhận định ở mức cao. Trong bối cảnh đồng EUR mất giá so với USD và những bất ổn của khu vực, cũng như toàn cầu, IMF ước tính tăng trưởng của khu vực đồng EUR đạt 1,7% năm 2016 và dự báo đạt 1,6% năm 2017.

Tại thị trường tài chính, tiền tệ: Sau bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ tháng 11/2016, chỉ số USD đã tăng mạnh (Hình 1). Nguyên nhân có thể do:

HÌNH 1: DIỄN BIẾN TỶ GIÁ MỘT SỐ ĐỒNG TIỀN NĂM 2016



Nguồn: Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (<https://www.federalreserve.gov>).

(i) Gia tăng bất định của kinh tế thế giới khiến USD trở nên hấp dẫn như “hầm trú ẩn”;

(ii) Số liệu khả quan về kinh tế Hoa Kỳ;

(iii) Kỳ vọng FED sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong năm 2017.

Xu hướng rút vốn khỏi thị trường mới nổi vẫn ít nhiều phổ biến trong quý IV/2016. Chỉ một tuần sau bầu cử ở Hoa Kỳ (từ 09-18/11/2016), khoảng 11 tỷ USD đã bị rút khỏi Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Hàn Quốc và Đài Loan⁴. Khoảng 1,2 tỷ USD cũng đã bị rút ra khỏi thị trường trái phiếu trong tuần thứ 3 của tháng 12/2016⁵.

Thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2016 từ 2,8% xuống còn 1,7%⁶. Giá dầu thế giới liên tục biến động, song chưa phục hồi rõ nét trong quý IV/2016. Tình trạng dư cung và đồng USD lên giá đẩy giá dầu xuống thấp trong nửa đầu tháng 11, nhưng đã tăng vọt hơn 9% trong phiên giao dịch hôm 30/11/2016 ngay sau khi Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đạt được thỏa thuận “đóng băng” sản lượng, xuống còn 32,5 triệu thùng/ngày (tương đương mức giảm sản lượng khoảng 1%).

Quý IV/2016 cũng chứng kiến sự chứng lại nhanh chóng của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Một loạt các hiệp định thương mại tự do (FTA) lớn không có nhiều tiến triển trong đàm phán như kỳ vọng. Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), dù đã ký kết, nhưng đã gặp nhiều khó khăn trong quá trình vận động thông qua. Ngay khi vừa nhậm chức ngày 21/01/2017, tân Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã tuyên bố rút khỏi TPP. Vì thế, cho dù các thành viên khác, đặc biệt là Nhật Bản, Úc, Singapore, vẫn nỗ lực thúc đẩy các hoạt động nhằm vận động sự ủng hộ và thông qua TPP, thì số phận của Hiệp định này coi như đã rõ ràng.

² So với thời điểm đầu năm 2016, đồng NDT đã mất giá khoảng 6,5%, và tỷ giá CNY/USD ngày càng tiến gần tới 7 (1USD = 6.958 CNY vào ngày 16/12).

³ Nguồn: FED.

⁴ Không bao gồm thực phẩm tươi sống

⁵ Nguồn: Bloomberg.

⁶ Nguồn: EPFR Global. Nguồn: https://www.wto.org/english/news_e/pres16_e/pr779_e.htm

HIỆU QUẢ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG 3 NGHỊ QUYẾT MANG SỐ 19

- *Nghị quyết 19-2014* xác định 07 giải pháp tổng thể và 50 nhiệm vụ cụ thể. Tuy vậy, đến hết năm 2014, trong số 50 giải pháp cụ thể, số lượng các giải pháp được thực hiện và có kết quả còn hạn chế, cụ thể là: có 8 giải pháp được thực hiện và có kết quả (chiếm 16%); 16 giải pháp đã được thực hiện, nhưng chưa có kết quả rõ ràng (34%); và 25 giải pháp chưa được thực hiện (50%).

- *Nghị quyết 19-2015* xác định 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung 73 nhiệm vụ cụ thể. Tính đến hết năm 2016, có 43,8% giải pháp thực hiện có kết quả, 23,3% (thực hiện, nhưng chưa có kết quả rõ ràng) và 32,9% (chưa thực hiện, hoặc chưa có thông tin).

- *Nghị quyết 19-2016* xác định 13 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung và 83 nhiệm vụ cụ thể. Đến cuối tháng 12/2016, kết quả cho thấy số lượng và tỷ lệ các giải pháp cụ thể được thực hiện và có kết quả nhiều hơn so với các năm trước: có 35 giải pháp được thực hiện và có kết quả (chiếm 42,2%); 20 giải pháp đã được thực hiện, nhưng chưa có kết quả rõ ràng (24,1%); và 28 giải pháp chưa được thực hiện, hoặc chưa có thông tin (chiếm 33,7%).

Nguồn: Báo cáo tóm tắt Tình hình và kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết 19 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

CẢI CÁCH KINH TẾ VIỆT NAM SAU MỘT NĂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2016-2020

2016 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Tư duy điều hành đã hướng nhiều hơn đến nền tảng tăng trưởng. Chính phủ đã tập trung: (i) Giải quyết những vấn đề bức xúc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; (ii) Đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, quản lý điều hành bằng pháp luật, cơ chế chính sách, công cụ kinh tế; (iii) Hạn chế tối đa can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính; (iv) Nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm thực thi, phấn đấu tiến tới xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, chống lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm trong xây dựng chính sách và hành động.

Ngay từ đầu năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP, ngày 07/01/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, trong đó, hướng tới 9 nhóm giải pháp lớn kết hợp cả điều hành và cải cách. Việc thực hiện các giải pháp được theo dõi khá chặt chẽ, sát sao để có những chỉ đạo, điều chỉnh chính sách phù hợp (như với tăng trưởng kinh tế, nông nghiệp, lâm phát, xuất khẩu...). Tương tác giữa Chính phủ với doanh nghiệp được cải thiện, không chỉ ở trong quá trình thực

hiện, mà còn cả xây dựng, giải trình và giám sát chính sách. Nhờ đó, nền kinh tế phục hồi dần qua các quý, góp phần vào việc thực hiện đạt và vượt 11/13 chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, công tác điều hành năm 2016 cũng đang gặp phải không ít những bất định, rủi ro. Những rủi ro, bất định này chủ yếu do biến động ở các nền kinh tế chủ chốt, như: việc Anh trưng cầu dân ý về việc rời khỏi EU, khó khăn kinh tế ở Trung Quốc, bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ, khả năng và quyết định điều chỉnh lãi suất ở Hoa Kỳ... Nhìn lại cả năm 2016, những bất định, rủi ro này chưa chuyển hóa thành những tác động tiêu cực rõ nét đối với khu vực kinh tế thực. Tuy nhiên, thực tiễn điều hành lại đòi hỏi phải thường xuyên theo sát, đánh giá tình hình và kịch bản ứng phó. Trong chừng mực ấy, điều hành chính sách kinh tế vĩ mô đã có sự phối hợp chặt chẽ hơn trên cơ sở kịp thời chia sẻ thông tin và nhận định, đồng thời tạo dựng thêm dư địa điều hành.

Cũng trong năm 2016, Chính phủ đã trình Quốc hội thảo luận, thông qua 12 dự án Luật, đã thảo luận cho ý kiến vào 19 dự án luật. Chính phủ đã ban hành 162 nghị định hướng dẫn thi hành luật, đặc biệt đã ban hành kịp thời 44 nghị định về điều kiện, đầu tư, kinh doanh để triển khai các quy định của Luật Đầu tư năm 2014, Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2014. Đây cũng là năm đầu tiên, về cơ bản, không còn nợ đọng văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trong quý IV/2016, một số nghị quyết lớn được ban hành đã hướng tới những tư tưởng chung về đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế và tăng cường hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết số 05-NQ/TW Hội nghị lần thứ Tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động (NSLĐ), sức cạnh tranh của nền kinh tế (Nghị quyết 05) được ban hành ngày 01/11/2016, đưa ra những quan điểm mới được tóm lược như sau:

- Đổi mới mô hình tăng trưởng là để nâng cao chất lượng tăng trưởng, NSLĐ và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chú trọng và ngày càng dựa nhiều hơn vào các nhân tố thúc đẩy tăng NSLĐ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là sáng tạo của con người Việt Nam và thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, tiềm năng, lợi thế của các ngành, lĩnh vực, địa phương và cả nước.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn kết chặt chẽ với thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế với trọng tâm ưu tiên là: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại đầu tư công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng; cơ cấu lại ngân sách nhà nước và nợ công; cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công.

Quốc hội thống nhất với quan điểm cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2010, nhấn mạnh bám sát đường lối, chính sách của Đảng ban hành tại Nghị quyết số 05. Nghị quyết số 24/2016/QH14 về Kế hoạch Cơ cấu lại nền kinh tế đã được Quốc hội thông qua vào tháng 11/2016 đã tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tập trung hoàn thành cơ cấu lại ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng;

- Cơ cấu lại ngân sách nhà nước, khu vực công;

- Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút hợp lý đầu tư trực tiếp nước ngoài;

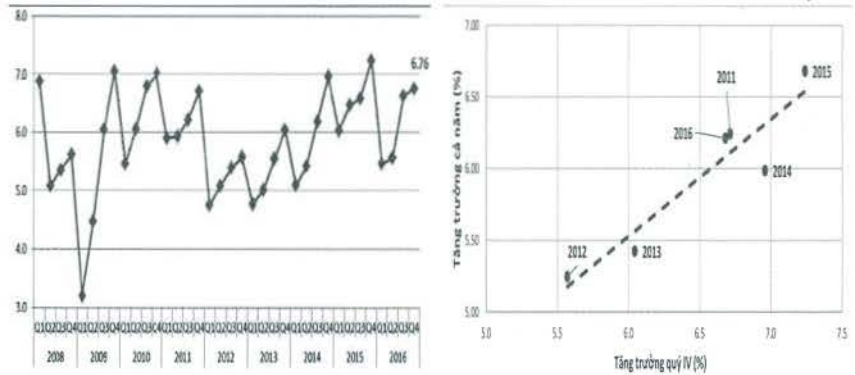
- Hiện đại hóa công tác quy hoạch, cơ cấu ngành và vùng kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế;

- Hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường, gồm: thị trường tài chính, thị trường quyền sử dụng đất, thị trường lao động và thị trường khoa học, công nghệ.

Các nghị quyết mới đã thể hiện một tư duy nhất quán trong điều hành, hướng nhiều hơn đến tạo dựng nền tảng cho

HÌNH 2: TỐC ĐỘ TĂNG GDP

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

tăng trưởng bền vững, gắn với tạo dựng dư địa chính sách kinh tế vĩ mô. Tư duy ấy nhấn mạnh và phát huy vai trò của khu vực kinh tế tư nhân, coi đây là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Nền tảng cho vai trò ấy chính là sự khởi dậy, tôn trọng và bảo vệ đúng mức quyền tự do kinh doanh của người dân.

Cụ thể hóa tinh thần cải cách mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng cao hiệu quả, chất lượng các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh, Việt Nam tiếp tục làm sâu sắc hơn chuỗi Nghị quyết 19. Sau gần 3 năm thực hiện, môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 9 bậc (từ vị trí 91/189 lên 82/189) với 5 chỉ số tăng hạng, bao gồm: bảo vệ nhà đầu tư (từ vị trí 118 lên 87); giao dịch thương mại qua biên giới (từ vị trí 108 lên vị trí 93); nộp thuế và bảo hiểm xã hội tăng 11 bậc, rút ngắn 230 giờ; tiếp cận điện năng cải thiện 5 bậc, rút ngắn còn 46 ngày và giảm xuống còn 5 thủ tục; giải quyết phá sản doanh nghiệp tăng 1 bậc.

DIỄN BIẾN KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NĂM 2016

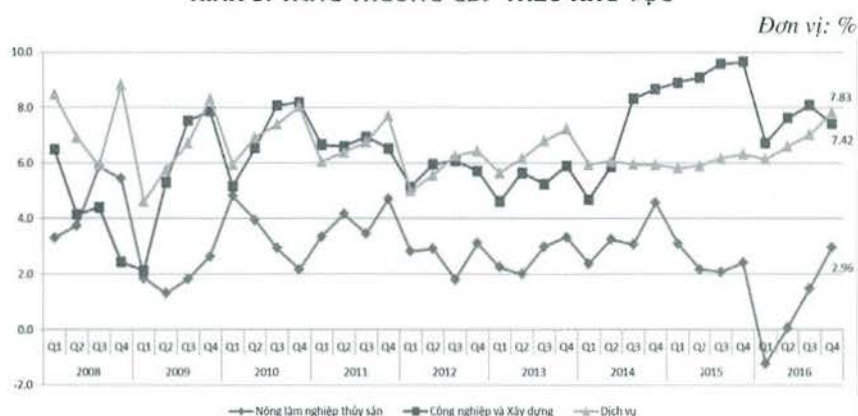
GDP tăng 6,76% trong quý IV/2016⁷ cao hơn so với cùng kỳ các năm 2011-2013, nhưng thấp hơn giai đoạn 2015-2016. Tính chung cả năm 2016, tốc độ tăng GDP đạt 6,21%, thấp hơn cả mục tiêu định hướng (từ 6,3-6,5%). Diễn biến tăng trưởng GDP quý IV và cả năm còn kém hơn so với năm 2011 (Hình 2).

Đặt trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động không thuận và khó đoán định, giá cả và thương mại toàn cầu giảm và khó khăn kinh tế trong nước, kết quả tăng trưởng năm 2016 của Việt Nam ít nhiều đáng khích lệ. Tăng trưởng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương phục hồi chậm, kể cả ở các nền kinh tế lớn, như: Trung Quốc, Nhật Bản... Những nước xuất khẩu, như: Thái Lan và Singapore cũng tăng trưởng chậm, tương ứng đạt 3,2% và 1,8%, thấp hơn đáng kể so với Việt Nam.

GDP biến động khá sát so với mức tiềm năng. Khác với diễn biến các năm 2013-2015, hai quý cuối năm 2016 chứng kiến GDP vượt tiềm năng rõ ràng hơn. Tuy nhiên, tốc độ tăng GDP tiềm năng chậm được cải

⁷Tốc độ tăng được tính so với cùng kỳ năm trước, trừ khi được nêu cụ thể.

HÌNH 3: TĂNG TRƯỞNG GDP THEO KHU VỰC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

thiện, chỉ đạt 6,32% năm 2016 (dù vẫn cao hơn mức tăng trưởng thực tế).

Trên góc độ tổng cầu, trong cả năm 2016, gia tăng chi tiêu dùng và đầu tư là những nhân tố đóng góp chính vào mức tăng trưởng chung. Tiêu dùng cuối cùng tăng 7,32% so với năm 2015, đóng góp 5,29 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Tích lũy tài sản tăng 9,71%, đóng góp 3,08 điểm phần trăm. Tăng tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản thúc đẩy nhập siêu, do đó chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ làm giảm 2,16 điểm phần trăm của mức tăng trưởng chung. Diễn biến này khá tương đồng với giai đoạn 2006-2010.

Khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế cả năm 2016. Giá trị gia tăng của khu vực này tăng 7,57% trong năm 2016, cao hơn mức tăng chung và cao hơn đáng kể so với khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản (Hình 3). Ngành công nghiệp tăng 7,06%, trong đó phân ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,9%, cao nhất trong giai đoạn 2013-2016. Phân ngành khai khoáng tiếp tục sụt giảm trong những quý cuối năm, dẫn đến mức giảm 4% cho cả năm 2016. Giá trị gia tăng của khu vực xây dựng duy trì mức tăng ổn định (đạt 10%).

Khu vực dịch vụ là điểm sáng về tăng trưởng trong năm 2016. Trong quý IV/2016, tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ đứng ở mức 7,42%. Tính chung cả năm 2016, tăng trưởng dịch vụ đạt 6,98%, cao hơn mức tăng 6,33% của năm 2015. Những ngành chiếm tỷ trọng lớn trong khu vực dịch vụ, như: bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; hay hoạt động ngân hàng và tài chính đều có mức tăng trưởng cao (tương ứng là 8,28% và 7,79%).

Thị trường bất động sản tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định trong những tháng cuối năm và đứng ở mức 4% cho cả năm 2016. Tăng trưởng của khu vực

này chủ yếu do: (i) Giá cả ổn định; (ii) Thanh khoản tăng; (iii) Cơ cấu hàng hóa bất động sản nhà ở được điều chỉnh hợp lý, hướng tới nhu cầu thực và khả năng thanh toán thực của thị trường; (iv) Tồn kho tiếp tục giảm mạnh; (v) Tín dụng giải ngân trong lĩnh vực bất động sản (kể cả gói hỗ trợ nhà ở xã hội) tăng trưởng tương đối nhanh so với mức tăng tín dụng chung; (vi) Lợi suất kỳ vọng từ các kênh đầu tư khác (USD, vàng, tiền gửi) ở mức khiêm tốn.

Ngành du lịch đạt kết quả tăng trưởng ấn tượng trong năm 2016, đạt 6,70%. Lượng khách và tổng thu từ khách du lịch năm 2016 tăng trưởng mạnh. Du lịch Việt Nam đã đón được hơn 10 triệu khách du lịch, tăng 26,0% so với năm 2015; phục vụ 62 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt 400.000 tỷ đồng.

Khu vực doanh nghiệp tiếp tục trong giai đoạn tái cơ cấu. Tính chung cả năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt mức kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015; tổng vốn đăng ký là 891,1 nghìn tỷ đồng, tăng 48,1%⁸; số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới năm 2016 đạt 8,1 tỷ đồng, tăng 27,5% so với năm 2015. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2016 là 1.268 nghìn người, bằng 86,1% năm 2015. Năm 2016, có 26.689 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 24,1% so với năm trước. Điều này cho thấy, những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, nới lỏng điều kiện kinh doanh và định hướng tái cơ cấu kinh tế bước đầu đã tạo dựng được cơ hội, khơi dậy tinh thần kinh doanh cho cộng đồng doanh nghiệp.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

Phần này sử dụng kịch bản dự báo cho nền kinh tế Việt Nam trong điều kiện “bình thường” trong năm 2017, phù hợp với kỳ vọng chung về bối cảnh kinh tế thế giới và tình hình phát triển kinh tế trong nước. Theo đó, GDP của các đối tác tăng 3,4% vào năm 2017⁹. Mức giá của Hoa Kỳ tăng 1,9%¹⁰. Giá hàng nông sản

⁸ Nếu tính cả 1.629,8 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động, thì tổng số vốn đăng ký và bổ sung thêm vào nền kinh tế trong năm 2016 là 2.520,9 nghìn tỷ đồng Theo dự báo của IMF (1/2017).

⁹ Theo dự báo của OECD (2015). <https://data.oecd.org/price/inflation-forecast.htm> [Truy cập 10/1/2017]

¹⁰ Theo dự báo của EIU (tháng 12/2016).

xuất khẩu tăng 4,4%¹¹. Giá dầu thô thế giới tăng 19,9% so với mức giá xuất khẩu trung bình năm 2016¹². Về phía Việt Nam, tỷ giá VNĐ/USD trung tâm được điều chỉnh tăng 2%. Tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16%. Tín dụng tăng 18%. Giá nhập khẩu giảm 1%. Dân số tăng 1,04%/năm, và việc làm tăng 1,4%. Lượng dầu thô xuất khẩu giả thiết giữ nguyên như năm 2016. Tỷ giá hữu hiệu thực được giả thiết không thay đổi. Trên cán cân thanh toán, chuyển giao của Chính phủ không thay đổi, trong khi chuyển giao của khu vực tư nhân (ròng) tăng 10% so với 2016. Vốn thực hiện của khu vực FDI tương đương với năm 2016. Đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ được bổ sung lần lượt 357.150 tỷ đồng và 50.000 tỷ đồng. Giả thiết ở đây là lượng vốn đầu tư này được giải ngân đều trong các quý của năm 2017.

Kết quả dự báo cho thấy, tăng trưởng kinh tế năm 2017 ước đạt 6,43% (Bảng 2). Tăng trưởng xuất khẩu dự báo ở mức 7,2%. Thặng dư thương mại ở mức 1,8 tỷ USD, chủ yếu do nhập khẩu tăng trưởng chậm và giá dầu thô phục hồi. Mức tăng giá tiêu dùng (bình quân năm 2017 so với bình quân năm 2016) là khoảng 3,46%.

Một biến số quan trọng khác là diễn biến tỷ giá và áp lực trên thị trường ngoại hối. Chỉ số dẫn báo áp lực tỷ giá do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương xây dựng không có biến động mạnh (trên 3%) tại thời điểm gần nhất, cho thấy tỷ giá của hệ thống ngân hàng thương mại nhiều khả năng sẽ ổn định trong vòng 6 tháng đầu năm 2017 (với xác suất là 95,0%). Theo đó, nếu tiếp tục kiểm soát tốt lạm phát trong nước, REER vẫn có lợi đối với xuất khẩu Việt Nam, với điều kiện không có những cú sốc lớn và/hoặc điều hành

BẢNG 2: KẾT QUẢ DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ CỦA VIỆT NAM NĂM 2017

Đơn vị: %

Tăng trưởng GDP	6,43
Lạm phát	3,46
Tăng trưởng xuất khẩu	7,2
Cán cân thương mại (tỷ USD)	1,8

Nguồn: Dự báo của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương

chính sách tỷ giá vẫn bảo đảm không gây xáo trộn đến mức độ ổn định kinh tế vĩ mô.

Diễn biến kinh tế vĩ mô trong năm 2017, đặc biệt là quý I/2017, tiếp tục chịu ảnh hưởng của một số yếu tố, như sau:

Một là, quá trình phục hồi tăng trưởng của kinh tế thế giới vẫn còn bất định. FED để ngỏ khả năng tiếp tục nâng lãi suất USD, dù có nhiều đồn đoán về thời điểm, mức độ tăng (nếu có). Nếu điều này không được hiện thực, thì dòng vốn và/hoặc mặt bằng lãi suất và/hoặc tỷ giá VNĐ/USD ở Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với nhiều bất định hơn.

Hai là, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế chậm lại trên bình diện khu vực và thế giới, qua đó có thể ảnh hưởng đến cải cách mang tính nền tảng ở Việt Nam (về cạnh tranh, DNNN...). Xu hướng bảo hộ và trả đũa thương mại giữa các nền kinh tế lớn có thể diễn biến phức tạp.

Ba là, tỷ giá có thể diễn biến nhanh và phức tạp hơn, không chỉ do động thái từ phía Hoa Kỳ, mà có thể còn do phản ứng đối kháng/bổ trợ của các nền kinh tế chủ chốt khác.

Bốn là, xử lý rủi ro thông tin là không dễ trong bối cảnh thay đổi nhanh, yêu cầu cải cách diễn ra trong nhiều lĩnh vực và các góc nhìn đa chiều hơn.

Cuối cùng, ổn định kinh tế vĩ mô phụ thuộc vào khả năng ứng phó của Việt Nam, thể hiện qua chất lượng của các kịch bản. Nếu chính sách kinh tế vĩ mô quá chú trọng vào mục tiêu “cứng” về tăng trưởng kinh tế, thì năng lực và độ linh động trong ứng phó với các diễn biến trên thị trường khu vực và thế giới sẽ giảm. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Hải quan (2017). *Số liệu thống kê xuất - nhập khẩu*, truy cập từ www.customs.gov.vn
2. Tổng cục Thống kê (2017). *Số liệu thống kê*, truy cập từ www.gso.gov.vn
3. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) (2016). *Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2016-2017 [Global Competitiveness Report 2016-2017]*, Geneva, Tiếng Anh
4. Ngân hàng Thế giới (2016). *Báo cáo về Hoạt động kinh doanh 2017: Cơ hội bình đẳng cho tất cả [Doing Business 2017: Equal Opportunity for All]*, Washington, Tiếng Anh
5. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) (2017). *Cập nhật Triển vọng Kinh tế Thế giới [World Economic Outlook Update]*, Tiếng Anh

¹¹ Theo dự báo của IMF (01/2017).

¹² Lưu ý là từ năm 2017, mục tiêu lạm phát được tính theo mức tăng giá CPI bình quân so với năm trước.